

CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(TS. Nguyễn Tiên Dũng)

1. Quan niệm về học chế tín chỉ Mỹ

Theo TS. Eli Mazur, Đại học California, hiện nay, một trong những quan niệm chính trong GDĐT là **sinh viên nên tự mình lựa chọn chuyên ngành**, tự mình xác định lĩnh vực quan tâm chủ yếu, **còn trường thì cần cung cấp nền giáo dục tổng quát, cốt lõi** tức là "một chương trình đào tạo nhằm mục đích phổ biến những kiến thức tổng quát, cốt lõi để phát triển năng lực trí tuệ, kỹ năng, các giá trị nhân văn nói chung, hơn là nhằm vào những kiến thức kỹ thuật hoặc kỹ năng nghề nghiệp quá chuyên biệt".

2. Các sai lầm trong học chế tín chỉ Mỹ

Theo Giáo sư W. James Popham (2009), Trường Đại học California đã chỉ ra 5 sai lầm phổ biến:

1. Chương trình (toàn khóa và môn học) quá nặng (*vấn đề tâm lý người thầy “Cố dạy hết những gì mình biết, trong khi có nhiều điều sinh viên cần được trải nghiệm” và cách xác định nội dung chương trình và môn học*).
2. Chỉ dựa vào kết quả các bài kiểm tra để đánh giá thực lực, thái độ học tập của sinh viên (*Vấn đề quan điểm kiểm tra đánh giá môn học*).
3. Giáo viên quá chú tâm “trình diễn” trên lớp (*Vấn đề về quan niệm dạy học, phương pháp dạy học và sử dụng các công cụ dạy học*).
4. Kiểm tra theo dạng đề chung để đánh giá trình độ giáo viên và học sinh (*Vấn đề sử dụng “ngân hàng đề thi” như là 1 công cụ hành chính*).
5. Quan niệm “điểm số cao thì trình độ cao” (*Vấn đề quan điểm về chất lượng đào tạo*).

3. Ba đặc điểm cơ bản của học chế tín chỉ Mỹ

1. Là một phương thức đào tạo **mở** để các trường chuyển tải quan điểm giáo dục của trường đến người học; “Hệ thống tín chỉ Mỹ là tốt nhất trên thế giới, bởi vì nó chẳng hề có hệ thống” (“Take what you want use, transform it as you wish, give it a new name, assume ownership”).
2. Có hệ thống quản lý và quản trị **minh bạch, chi tiết, hướng tới khách hàng** (bên trong và bên ngoài), liên tục được cải tiến, công khai, thống nhất và duy trì thực hiện ở mọi cấp, định kỳ **phải giải trình** cho các bên liên quan (theo định hướng TQM).
3. Chương trình đào tạo có tính tích hợp, liên thông, liên ngành, liên trường, liên môn; chu trình đào tạo mềm dẻo, linh hoạt đáp ứng nhu cầu đến từng người học và thị trường lao động.

4. Tám đặc điểm phân biệt học chế tín chỉ với học chế khác

1. Cơ chế quản lý và quản trị đào tạo
2. Chương trình đào tạo
3. Đề cương môn học, kế hoạch giảng dạy, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá
4. Tổ chức lớp học
5. Đánh giá sinh viên
6. Lao động sư phạm của các giảng viên
7. Quản lý và hỗ trợ sinh viên
8. Quyền “tự chọn”, “tự chủ” của người học (Sinh viên)

Cơ chế quản lý & quản trị đào tạo

- Thay từ cơ chế “chỉ đạo” sang cơ chế thực hiện theo qui chế, theo sự phân cấp, qui trình, biểu mẫu, các hướng dẫn, theo kế hoạch, ... (ảnh hưởng đến tác phong làm việc, và tâm lý “tự do học thuật”, ...).
- Từ tính “cát cứ” sang “dùng chung” về tài nguyên như CSVS, nhà xưởng, PTN, ĐCMH, ...
- Từng bước xây dựng văn hóa chất lượng (văn hóa minh chứng) trong dạy và học
➔ Kiểm định chất lượng.

Chương trình đào tạo

- Thay từ “cứng” sang “mềm, linh hoạt” với các điều kiện dạy và học chi tiết đến từng học kỳ, theo từng ngành, ... cho cả người dạy và người học, với tỷ lệ các học phần tự chọn 10% - 12%.
- Thay đổi cấu trúc CTĐT, và cả đối tượng tham gia thiết kế CTĐT.
- Thay đổi tư duy thiết kế: từ chủ nghĩa kinh nghiệm sang phải thích ứng với thị trường lao động, định hướng phát triển của trường, người học, ...
- Khối lượng học tập từng môn lớn, nhiều môn, ... sang phải tích hợp, bổ sung môn mới, ...
- Định kỳ các chương trình đào tạo, ... phải được đánh giá, điều chỉnh ➔ kiểm định chất lượng.

Đề cương môn học, KHGD, PPGD, KTĐG

- Thay từ cấu trúc “bị động” sang cấu trúc chủ động với đầy đủ mục đích, mục tiêu, các chuẩn đầu ra của môn học, cách dạy, cách học, KTĐG, ...
- Thay từ tư duy ĐCMH là cho GV sang cho cả GV và người học và nhà quản lý (làm minh chứng trong KĐCL)

- Thay từ quan niệm “chỉ dạy và học đúng, đủ theo đề cương” sang “là những chuẩn mực nội dung, mục tiêu tối thiểu phải thực hiện và các GV có thể cập nhật thêm”
- Thay từ dạy “hết”, sang dạy “cốt lõi”, “dạy cách học bằng cách tìm thông tin, xử lý thông tin ...”, phải chọn “dạy trên lớp cái gì?”, “hướng dẫn SV tự học cái gì”?
- Thay từ 1 ĐVHT = 15 tiết trên lớp + 15 tiết tự học → 1 tín chỉ LT = 15 tiết lên lớp + 30 tiết tự học (1 tiết = 50 phút)
- Thay từ chỉ dạy kiến thức và kỹ năng sang dạy cả kiến thức, cả rèn luyện kỹ năng và thái độ.
- Thay từ chỉ dạy và giới thiệu khái niệm, thuật ngữ tiếng việt sang cung cấp cả thuật ngữ tiếng anh, dùng máy tính.
- Thay từ chỉ kiểm soát việc học trên lớp sang phải kiểm soát cả tự học ngoài lớp.
- Hoạt động giảng dạy của GV phải được định kỳ đánh giá.

Tổ chức lớp học

- Có thêm khái niệm lớp môn học, với nhiều đối tượng khác nhau về ngành nghề, khóa tuyển sinh, động cơ học tập, ...
- Thay từ lớp ít SV sang lớp đông SV.
- Từ “kỷ luật, trật tự” lớp học nghiêm túc sang tổ chức lớp học có phần lộn xộn ở 1 -2 tuần đầu học kỳ do cho SV đăng ký thêm, hay rút bớt môn học, ...

Đánh giá, xếp loại năm học của sinh viên

- Từ chỉ đánh cuối kỳ sang đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ.
- Chỉ dùng thang điểm 10, sang dùng cả thang điểm 4 và thang điểm chữ.
- Đánh giá học lực SV chỉ dựa theo điểm trung bình sang thêm điểm trung bình tích lũy.
- Xếp loại SV theo khóa tuyển sinh, theo lớp sang xếp theo số tín chỉ tích lũy và các điều kiện học lực khác.

Lao động sư phạm của các Giảng viên

- Chuyển từ chủ yếu là lao động sư phạm trên lớp sang quan trọng nhất là lao động sư phạm ngoài lớp (ví dụ: thêm giờ “tư vấn” ngoài lớp, đánh giá nhiều lần, ...).
- Chuyển từ chỉ “lượng hóa” (chấm điểm) sang cả lượng hóa và cả đánh giá để giúp SV thay đổi cách học và chính mình thay đổi cách dạy.
- Chuyển cách dạy từ chủ yếu là “trình diễn” sang dạy “tích cực, chủ động và trải nghiệm” = “truyền cảm hứng”.

Quản lý và hỗ trợ sinh viên

- Trước chỉ trường quản lý sang khoa và các giảng viên cũng tham gia quản lý.
- Trước SV là “công dân hạng 2” giờ là “khách hàng trực tiếp”, “cổ đông”.

- Thêm nhiều hoạt động hỗ trợ sinh viên và phụ huynh: thể thao, văn nghệ, y tế, NCKH, việc làm, KTX, ...
- Hoạt động tư vấn cho sinh viên.

Ngày càng mở rộng Quyền “tự chọn”, “tự chủ” của người học

- Sinh viên phải được biết, được hưởng, được góp ý về các chế độ chính sách, qui định, qui chế, ...
- Sinh viên được tự chủ thiết kế chương trình học tập cá nhân, thiết kế tiến độ học tập, tự chọn lớp, chọn môn học tiến tới chọn thầy
- Sinh viên được phản ánh về chất lượng chương trình đào tạo, về môn học, về cách dạy của giảng viên, về môi trường học tập, ... từ đó trường phải định kỳ khảo sát ý kiến, đối thoại với sinh viên về những điểm này.